Mẫu số 52 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05-4-2022
V/v "*Ly hôn, t/c về nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU TỈNH ĐỒNG NAI

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Xuân Sơn

- *Các Hội thẩm nhân dân*: bà Nguyễn Ngọc Cúc và ông Nguyễn Ngọc Anh

**** Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: ông Vũ Huy Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 328/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Số nhà 34, Tổ 16, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: anh Lê Thanh T, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Số nhà 320/1, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Tr có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ và phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy Tr trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Thanh T tự nguyện yêu thương chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Tân Bình,

huyện Vĩnh Cửu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 65/2016 ngày 26/9/2016.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2017 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng thường xuyên lục đục, xích mích nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên tụ tập bạn bè ăn, nhậu, cờ bạc, không lo làm ăn, chăm lo cuộc sống gia đình. Vì không muốn gia đình đỗ vỡ, nhiều lần vợ chồng, họ hàng hai bên ngồi lại tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả.

Nay chị xác định tình cảm của chị đối với anh T không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung tên là Lê Nguyễn Thanh P, sinh ngày 20/4/2017 và Lê Nguyễn Thanh D, sinh ngày 21/01/2020. Hiện 02 con chung do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, chị xin được nuôi 02 con chung. Tạm thời chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Lê Thanh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Tr chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 65/2016, ngày 26/9/2016. Anh chị chung sống với nhau đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do chị Tr chung sống với mẹ anh không hợp. Nay chị Tr xin ly hôn với anh thì anh không đồng ý.

- Về quan hệ con chung: Anh và chị Tr có 02 con chung tên là Lê Nguyễn Thanh P, sinh ngày 20/4/2017 và Lê Nguyễn Thanh D, sinh ngày 21/01/2020. Ly hôn anh đồng ý giao 02 con chung cho chị Tr chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm*:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định là đúng và đầy đủ;

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền;

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định;

+ Về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đầu đủ và đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đương sự: Nguyên đơn, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án

chấp hành và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không hợp tác gây khó khăn cho công tác giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh T đã có mâu thuẫn trầm trọng, chị Tr không còn tình cảm với anh T nên cho chị Tr được ly hôn với anh T; về quan hệ con chung: chị Tr, anh T có 02 con chung tên là Lê Nguyễn Thanh P, sinh ngày 20/4/2017 và Lê Nguyễn Thanh D, sinh ngày 21/01/2020. Hiện nay 02 con chung do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, chị Tr yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng, anh T đồng ý. Do đó, đề nghị giao 02 con chung cho chị Tr chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản chung: đương sự không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Tr phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên toà, chị Nguyễn Thị Thùy Tr có mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Lê Thanh T vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Nguyễn Thị Thùy Tr khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với và anh Lê Thanh T, nơi cư trú: Số nhà 320/1, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị Nguyễn Thị Thùy Tr là nguyên đơn, anh Lê Thanh T là bị đơn; quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thùy Tr và anh Lê Thanh T kết hôn với nhau năm 2016, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 65/2016 ngày 26/9/2016. Căn cứ các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh T có giá trị pháp lý. Các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Tr và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thể hiện qua lời trình bày của chị Tr và sự thừa nhận của anh T, ý kiến của mẹ anh T là bà Võ Tuyết V và kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu; chị Tr và anh T đã ly thân nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian mâu thuẫn, chị Tr, anh T và gia đình đã nhiều lần hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng không có kết quả; trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, anh T đã được Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo giao nộp chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc

giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhiều lần nhưng anh T chỉ một lần đến Tòa án tham gia tố tụng thể hiện anh T không có trách nhiệm với gia đình, vợ, con, bỏ mặc quan hệ hôn nhân với chị Tr. Từ những chứng cứ trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị Tr xin ly hôn với anh T là có cơ sở nên chấp nhận. Chị Nguyễn Thị Thùy Tr được ly hôn anh Lê Thanh T.

[4]. Về con chung: chị Tr và anh T thống nhất có 02 con chung tên là Lê Nguyễn Thanh P, sinh ngày 20/4/2017 và Lê Nguyễn Thanh D, sinh ngày 21/01/2020. Hiện nay 02 con chung do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, chị Tr yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T đồng ý ý kiến của chị Tr. Do đó giao 02 con chung là cháu P, cháu D cho chị Tr trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là có cơ sở. Ghi nhận ý kiến tự nguyện của chị Tr không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[5]. Về tài sản chung: chị Tr, anh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị Nguyễn Thị Thùy Tr phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003855 ngày 01/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị Tr đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 48, 68, 147, 220, 266, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy Tr được ly hôn anh Lê Thanh T.

[2]. Về quan hệ con chung: chị Tr và anh T có 02 con chung tên là Lê Nguyễn Thanh P, sinh ngày 20/4/2017 và Lê Nguyễn Thanh D, sinh ngày 21/01/2020. Giao 02 con chung là cháu Lê Nguyễn Thanh P, sinh ngày 20/4/2017 và cháu Lê Nguyễn Thanh D, sinh ngày 21/01/2020 cho chị Nguyễn Thị Thùy Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh Lê Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ trông non, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3]. Về tài sản chung: đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4]. Về án phí: chị Nguyễn Thị Thùy Tr phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003855 ngày 01/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị Tr đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị Thùy Tr được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Thanh T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự (02);
- TAND tỉnh ĐN (01);
- VKSND H.VC (02);
- Chi cục THADS H.VC (01);
- UBND xã Tân Bình, H. Vĩnh Cửu (01);
- Lưu hồ sơ, VP (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(đã ký tên, đóng dấu)

Võ Xuân Sơn